

Cầm Phá, ngày 09 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI THẦU

CÔNG TY CỔ PHẦN
VT&CB THAN ĐÔNG BẮC

Số: 481/TB-VTCB

Tên bên mời thầu: Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc.
Địa chỉ: Khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh.
Điện thoại: 0203.2211455 Fax: 0203.3865732
Thông báo mời thầu với nội dung sau:
1. Tên gói thầu: Mua đường, sửa các loại phước vù bởi đường nặng nhọc, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024.
- Loại gói thầu: Mua sắm hàng hóa
- Giá gói thầu: 1.258.182.000 đồng.
Bảng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn.
Đã bao gồm thuế GTGT và phí, lệ phí theo quy định.
Nội dung chính của gói thầu: Mua đường, sửa các loại phước vù bởi đường nặng nhọc, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

2. Tên Kế hoạch mua sắm: Mua đường, sửa các loại phước vù bởi đường nặng nhọc, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024.
3. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất năm 2024.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
6. Thời gian phát hành Hồ sơ mời thầu (trong giờ làm việc): Từ 14 giờ 00 phút ngày 09 tháng 7 năm 2024 đến trước 9 giờ 00 phút ngày 17 tháng 7 năm 2024.

7. Địa điểm phát hành Hồ sơ mời thầu: Phòng Tổ chức lao động - Công ty cổ phần VT&CB than Đông Bắc.
8. Giá bán 01 bộ Hồ sơ mời thầu: Bên mời thầu cung cấp miễn phí.
9. Thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu: 9 giờ 00 phút ngày 17 tháng 7 năm 2024./.

GIÀM ĐỌC



Phuong Kim Mung

Số: 480/QĐ-VTCB

Cam Pha, ngày 9 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Hồ sơ mời thầu

Gói thầu: Mua đường, sửa các loại phục vụ bồi dưỡng nâng học, độc hại bằng
hiện vật 6 tháng cuối năm 2024

GIÀM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN VT&CB THAN ĐÔNG BẮC

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-VTCB ngày 28/5/2024 của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc về việc ban hành lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-VTCB ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc công ty cổ phần VT&CB than Đông Bắc về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua đường, sửa các loại phục vụ bồi dưỡng nâng học, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024;

Căn cứ Tờ trình của Tổ chuyên gia về việc xin phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu: Mua đường, sửa các loại phục vụ bồi dưỡng nâng học, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024; Ngày 03/7/2024

Căn cứ Báo cáo tham định Hồ sơ mời thầu của Tổ thẩm định gói thầu: Mua đường, sửa các loại phục vụ bồi dưỡng nâng học, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024; Ngày 04/7/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu: Mua đường, sửa các loại phục vụ bồi dưỡng nâng học, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024, với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên gói thầu: Mua đường, sửa các loại phục vụ bồi dưỡng nâng học, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024.
- Nội dung chính của Hồ sơ mời thầu bao gồm:

Phần 1. Thủ tục đầu thầu:

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu;
- Chương III. Tiêu chuẩn danh giá HSDT;
- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:

- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.

Phần 3A. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:

- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;
- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng.

Điều 2. Trách nhiệm của Tổ chuyên gia:

Tổ chức phát hành Hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của Luật Đầu thầu và các quy chế của Công ty. Danh giá Hồ sơ dự thầu theo đúng yêu cầu và tiêu chuẩn danh giá nêu trong Hồ sơ mời thầu; trình Giám đốc công ty phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

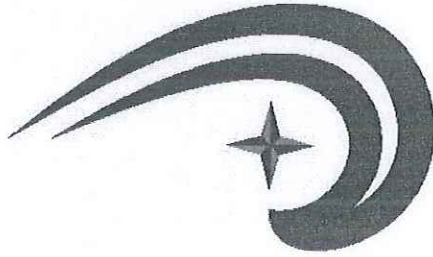
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các đồng chí Phó giám đốc phụ trách, Tổ Chuyên gia, Tổ Thăm định, Trưởng các phòng liên quan căn cứ thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: CT, TCKT, CH05.



Phuong Kim Mung



HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu:

Mua sắm đường, sửa các loại phực
vụ bồi dưỡng năng nhọc độc hải 6
tháng cuối năm 2024.

Kế hoạch mua sắm:

460/QĐ-VTCB

Phát hành ngày:

01/7/2024

Ban hành kèm theo Quyết định:

480/QĐ-VTCB ngày 9/7/2024

Phát hành ngày:

9/7/2024

Bên mời thầu



GIÂM ĐỐC
Phương Kim Mừng

TỪ NGỮ VIỆT TẬT

BĐL	Bảng dữ liệu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BKC	Điều kiện chung của hợp đồng
BKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Quy định mua sắm thường xuyên	Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc
VND	Đông Việt Nam

Đông Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 576/QĐ-ĐB ngày 28/5/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc

MỘT VÀ TỌM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương 1. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thông nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc.

Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào BDL.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Danh giá tính hợp lệ của HSDT;

- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;

- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;

- Mục 4: Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT (nếu có).

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và Nhà thầu phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSDT và HSDT.

Các bên cần nhập các thông tin phù hợp với gói thầu để lập HSDT, HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) do đơn vị mua sắm/Bên mời thầu đính kèm HSDT.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bao gồm thực hiện hợp đồng (Thu bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trung thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU
Chương 1. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

	<p>1. Phạm vi</p> <p>1.1. Đơn vị mua sắm quy định tại BĐL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, kế hoạch/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại BĐL.</p>	<p>2. Giải thích từ ngữ</p> <p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong TBMT được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Văn tài và Chế biến than Đông Bắc. (http://vtcbdongbac.com.vn)</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian là GMT+7 (giờ Việt Nam).</p>	<p>3. Nguồn vốn</p> <p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BĐL.</p>	<p>4. Hành vi bị cấm</p> <p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Đan xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Đan xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Căn trở bao gồm các hành vi sau đây:</p>
--	--	---	--	---

a) Huy hoai, lua doi, lua doi, thay doi, che giâu chung cư hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gọi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cán trở người có thẩm quyền, đơn vị tổ chức mua sắm, bên môi trường, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cán trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đầu thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đầu thầu;

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên môi trường, đơn vị tổ chức mua sắm hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên môi trường, đơn vị tổ chức mua sắm không dùng Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường của Công ty Cổ phần Vận tải và Chè biến than Đông Bắc;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia tham định hồ sơ môi trường, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia danh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia tham định giá lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cả nhân thuộc bên môi trường, đơn vị tổ chức mua sắm trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ tham định giá kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu đơn vị tổ chức mua sắm, bên môi trường đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, tham tra, tham định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FIED); lập, tham định hồ sơ môi trường, danh giá hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; tham định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Dùng tên tham dự thầu gói thầu thuộc kế hoạch mua sắm do

đơn vị tổ chức mua sắm, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thời việc tài cơ quan, tổ chức đó;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Quy định mua sắm thường xuyên;

i) Nội dung câu cụ thể về nhân hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh;

k) Nội dung kiện trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng;

l) Chia nhỏ kế hoạch, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia kế hoạch, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

4.7. Tiết lộ thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, từ trước hợp đồng cấp thông tin theo yêu cầu của người có thẩm quyền, đơn vị tổ chức mua sắm, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; bao cáo bên mời thầu, bao cáo của tổ chức mua sắm, bao cáo của quan tâm định, bao cáo của nhà thầu tư vấn, bao cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau:

<p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>	<p>Đáp ứng điều kiện quy định tại điều 4 Quy định mua sắm thường xuyên, được quy định tại BDL</p>	<p>6. Nội dung của HSMT</p>
<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đầu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dự liệu đầu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn danh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng¹:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; <p>Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>6.2. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nêu các tài liệu này không được cung cấp bởi Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu. HSMT do Đơn vị mua sắm/Bên mời</p>	<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đầu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dự liệu đầu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn danh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng¹:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; <p>Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>6.2. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nêu các tài liệu này không được cung cấp bởi Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu. HSMT do Đơn vị mua sắm/Bên mời</p>	

thầu phát hành có đầy đủ dấu, chữ ký theo quy định sẽ là cơ sở để xem xét, danh giá.

6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu Quy định Lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc; mọi thông tin của TBMT, HSM T và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSM T, biên bản hội nghị tiên đầu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSM T cho phù hợp.

7. Sửa đổi, làm rõ HSM T

7.1. Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải thông báo cho các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu việc sửa đổi hồ sơ mời thầu đăng tải thông báo sửa đổi nêu rõ các nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu theo quy định. Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu phải đảm bảo đủ thời gian theo quy định. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu;

7.2. Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị tới thời 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi trực tiếp văn bản làm rõ cho các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu. Trong văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu không được nêu tên của nhà thầu có đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu;
- Trong trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức hội nghị tiên đầu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu. Thông báo tổ chức hội nghị tiên đầu thầu cho các nhà thầu đã mua hồ sơ mời thầu và được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc theo quy định; tất cả các nhà thầu quan tâm có thể tham dự hội nghị tiên đầu thầu mà không cần phải lập biên bản ghi lại các nội dung mời thầu. Bên mời thầu phải lập biên bản ghi lại các nội dung trong hội nghị tiên đầu thầu và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc theo quy định. Biên bản hội nghị tiên đầu thầu được coi là văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu;
- Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định;

<p>10.8. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ 15 -CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 10.6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu;</p> <p>10.6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định và tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm (nếu có yêu cầu);</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo mẫu quy định;</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo mẫu quy định;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.1. Đơn dự thầu;</p> <p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p>	<p>10. Thành phần của HSDT</p>
<p>HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bỏ trống trong HSDT (catalogo...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt (có xác nhận của cơ quan tổ chức dịch thuật). Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>	<p>9. Ngôn ngữ của HSDT</p>
<p>8.1. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, đơn vị tổ chức mua sắm/bên mời thầu có thể cung cấp miễn phí hoặc bán một bộ hồ sơ mời thầu (bao gồm cả thuế) tối đa là 2.000.000 đồng.</p> <p>8.2. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo Quy chế tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.</p> <p>8.3. Nhà thầu chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất tham dự thầu, chi phí giải quyết kiện nghị (nếu có). Trong mọi trường hợp, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>	<p>8. Chi phí dự thầu</p>
<p>7.3. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận đề nghị làm rõ HSM T để kịp thời làm rõ HSM T theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSM T, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT.</p> <p>7.5. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.</p>	

<p>thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 - CDNT; 10.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có); 10.10. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.</p>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.</p>	<p>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</p> <p>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT</p> <p>12.1. Trường hợp HSMST có quy định tại BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>	<p>13. Giá dự thầu và giám giá</p> <p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giám giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giám giá). Phù hợp với Mẫu số 11.2, Mẫu số 12.2 Chương IV.</p> <p>b) Tất cả các phần (đôi với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giám giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giám giá vào đơn dự thầu. Giá trị giám giá này được hiểu là giám đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>d) Nhà thầu nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMST và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 01B; Mẫu số 04A; Mẫu số 10 A; Mẫu số 10B, Mẫu số 11.2, Mẫu số 12.1B, Mẫu số 12.2B, Mẫu số 13A của Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà</p>
--	---	---	--

<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của HSĐT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ, sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; phần mềm trong máy... được sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh nhằm duy trì hoạt động thông xuyên của Công ty Cổ phần Văn tại</p>	<p>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p>
<p>Đông tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>	<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>
<p>thầu có để xuất giám giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giám giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giám giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: Để xuất riêng trong thư giám giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thực giám giá vào các hàng mục cụ thể nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thực giám giá thì được hiểu là giám giá đều theo tỷ lệ cho tất cả hàng mục nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp hợp không nêu rõ cách thực giám giá thì được hiểu là giám giá đều theo tỷ lệ cho tất cả hàng mục nêu trong cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp hợp có thư giám giá thì thư giám giá có thể để cùng trong HSĐT hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giám giá nộp riêng thì thư giám giá sẽ được Bên mời thầu bao quản như một phần của HSĐT và được mở đồng thời cùng HSĐT của nhà thầu.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại BDL.</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của HSĐT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ, sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; phần mềm trong máy... được sử dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh nhằm duy trì hoạt động thông xuyên của Công ty Cổ phần Văn tại</p>

và Chế biến than Đông Bắc mà không hình thành tại sản có định.

15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yêu tố cấu thành ban đầu.

15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm¹, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....

15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.

15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mẫu số 01B Chương IV. Trường hợp Đơn vị mua sắm yêu cầu về xuất xứ hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của HSM T hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp đơn vị mua sắm yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam theo quy định về ưu đãi cho Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thì nhà thầu chào hàng hóa không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

15.7. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSM T và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.

¹ Bao hiểm cho các hàng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...

<p>18.1. Khi tham dự thầu nhà thầu phải thực hiện biên pháp bảo đảm dự thầu theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ</p>	<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>
<p>17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tung ứng thời gian có hiệu lực của bao đảm dự thầu (bảng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bao đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>	<p>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</p>
<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III và gửi kèm các hồ sơ tài liệu chứng minh, đồng thời Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu. 16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nêu được trong thầu thực hiện theo BDL. 16.3. Trường hợp đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>	<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>
<p>15.8. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả cần thiết để bảo đảm liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại BDL. 15.9. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhân hiệu hàng hóa hoặc số catalo do đơn vị mua sắm quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhân hiệu hàng hóa, catalo khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.</p>	

nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp gia trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng thì HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, danh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không dùng tên đơn vị thầu, không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Chương IV). Trường hợp áp dụng thu bảo lãnh hoặc gây chứng nhận bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tin dùng trong nước chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo

pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải toả khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT

b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thầu thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thầu đến thầu thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả phần mà mình tham dự thầu (gia trị bao đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp gia trị bao đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị công góp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu thì việc không hoàn trả giá trị bao đảm dự thầu

<p>được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.7. Đối với gói thầu có giá trị bao đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu hoặc đính kèm cam kết riêng trong HSDT là nêu được môi vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Bên mời thầu) hoặc bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị cấm tham dự các gói thầu do Bên mời thầu thực hiện trong vòng 06 tháng kể từ ngày thông báo nộp bao lãnh. Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>	<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>
<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT.</p> <p>19.2. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mời tách nhiệm của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>	<p>20. Quy cách HSDT và chủ ký trong HSDT; Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT; Nộp, rút và sửa đổi HSDT</p>
<p>20.1 Quy cách HSDT và chủ ký trong HSDT:</p> <p>20.1.1 Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc không quá 5 bản chụp HSDT theo quy định tại Mục 20.1 CDNT. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT”, “BẢN CHỤP HSDT”.</p> <p>20.1.2 Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi từ ngữ xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi từ ngữ xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>20.1.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, danh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giám giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT,</p>	

bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trong hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chỉ nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

20.1.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

20.1.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

20.2. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT:
 20.2.1. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỘ SỔ DỮ THẦU".
 Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi; phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

20.2.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:
 a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;
 b) Ghi tên người nhận.
 c) Ghi đựng tên gói thầu;
 d) Ghi dòng chữ cảnh báo "không được mở trước thời điểm mở thầu".

20.2.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại các Mục 20.2.1 và 20.2.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

20.3. Nộp, rút và sửa đổi HSDT
 20.3.1. Nộp HSDT: Nhà thầu nộp một bộ gốc HSDT và không qua năm bản chụp theo quy định tại 20.1 CDNT khi tham gia

<p>đầu thầu. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.3.2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi đơn vị mua sắm/Bên mời thầu thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3.4. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>20.3.5. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT đã nộp đều được mở thầu để danh giá.</p>	<p>21. Mở thầu</p> <p>21.1. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Chi tiền hành mở các hồ sơ dự thầu mà bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>- Kiểm tra niêm phong;</p> <p>- Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà thầu; tham dự độc lập hay liên danh; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu; giá trị giám giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu; thời gian thực hiện gói thầu; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin khác liên quan; 21.2. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại điểm a khoản này phải được ghi vào biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu.</p> <p>21.3. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thu giám giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng hồ sơ dự thầu.</p> <p>21.4. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng.</p>
---	---

<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được gửi bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>	<p>22. Bảo mật</p>
<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, hợp đồng trong tự, năng lực sản xuất, bảo cáo tài chính, nghĩa vụ nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bỏ sung, làm rõ được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng trong tự, năng lực sản xuất, bảo cáo tài chính, nghĩa vụ nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì nhà thầu, không thay đổi giá dự thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi bản chất của hồ sơ dự thầu, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.3. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu làm rõ hồ sơ dự thầu và nhà thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.4. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu giữa bên mời thầu và nhà thầu do nhà thầu cung cấp, bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu nộp, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu</p>	<p>23. Làm rõ HSDT</p>

<p>này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>	
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSDT; HSDT; Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT: “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSDT; “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSDT.</p>	
<p>25. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p> <p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSDT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thông nhất với HSDT đối với quyền hạn của Đơn vị mua sắm hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSDT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong HSDT đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSDT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản HSDT để đáp ứng cơ bản HSDT.</p>	
<p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSDT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p>	<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>

<p>28.1. Nguyên tác ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.</p> <p>28.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT:</p>	<p>28.1. Nguyên tác ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.</p> <p>28.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT:</p>
<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Ban thẩm nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được đơn vị mua sắm chấp thuận để tham gia thực hiện công việc.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Ban thẩm nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được đơn vị mua sắm chấp thuận để tham gia thực hiện công việc.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 13 Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSDT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hàng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>	<p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSDT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khác phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yêu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSDT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hàng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>

<p>Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây:</p> $D (\%) = G^*/G (\%)$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - G* : Chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoài bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); hoặc được tính bằng tổng các chi phí sản xuất trong nước; - G: Giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế; - D: Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. <p>28.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại BDL.</p> <p>28.4. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.5. Trường hợp hàng hoá do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp khác thực hiện theo quy định của Pháp luật về đấu thầu.</p>	<p>HSDT 29. Danh giá</p>
<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT. Việc đánh giá hồ sơ thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ thầu của nhà thầu để bao đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu;</p> <p>29.2. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, bao gồm:</p> <p>a) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm: Đơn dự thầu; thỏa thuận liên danh (nếu có); giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;</p> <p>b) Kiểm tra sự thông nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.</p> <p>29.3. Danh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:</p> <p>a) Hồ sơ dự thầu của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các quy định nêu tại khoản 3 Điều 30 của là Quy</p>	

định mua sắm thường xuyên ;

b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

29.4. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn danh giá quy định trong hồ sơ mời thầu;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

29.5. Đánh giá về kỹ thuật và tài chính:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét xác định giá thầu nhất (đôi với trường hợp áp dụng phương pháp giá thầu nhất), giá danh giá (đôi với trường hợp áp dụng phương pháp giá thầu nhất), giá thầu nhất (đôi với trường hợp áp dụng phương pháp giá danh giá), giá thầu nhất), giá danh giá (đôi với trường hợp áp dụng phương pháp giá danh giá) được xếp hạng từ nhất. Thứ giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu. Đơn vì mua sắm không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

29.6. Trường hợp không áp dụng thông thảo hợp đồng Tổ chức lập bao cáo kết quả danh giá hồ sơ dự thầu gửi bên mời thầu xem xét, trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Bao cáo kết quả danh giá hồ sơ dự thầu phải nêu rõ các nội dung sau đây:

a) Kết quả danh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;

b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

c) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;

d) Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng;

đ) Nhân xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chấp thuận, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

e) Những nội dung của hồ sơ mời thầu chưa phù hợp với quy

<p>định hoặc nội dung dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý;</p> <p>(g) Nhưng nội dung cần lưu ý (nếu có).</p> <p>29.7. Trên cơ sở báo cáo kết quả danh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi người có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>29.8. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, tổ chuyên gia lập báo cáo kết quả danh giá hồ sơ dự thầu gửi bên mời thầu xem xét, mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng.</p>	
<p>30.1. Trường hợp gọi thầu có áp dụng thương thảo hợp đồng, nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo hợp đồng.</p> <p>30.2. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo kết quả danh giá hồ sơ dự thầu;</p> <p>b) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) Hồ sơ mời thầu bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ hồ sơ mời thầu (nếu có).</p> <p>30.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước danh giá về tài chính trừ trường hợp nhà thầu tự nguyện giảm giá dự thầu.</p> <p>30.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thông nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong hồ sơ dự thầu (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế cửa nhà thầu nêu trong hồ sơ mời thầu có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế;</p> <p>c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt:</p> <p>Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất hoặc</p>	<p>30. Thương thảo hợp đồng (nếu có)</p>

đã được thay thế một lần từ trước trong hợp đồng do thời gian danh giá hồ sơ dự thầu kéo dài hơn so với quy định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã thuê không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã thuê và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;

d) Thường thảo về các nội dung cần thiết khác.

30.5. Trong quá trình thảo luận hợp đồng, các bên tham gia thảo luận hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

30.6. Sau khi hoàn thành thảo luận hợp đồng, bên mời thầu lập tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gửi người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Kết quả danh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;

b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

c) Kết quả thảo luận hợp đồng (nếu có);

d) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;

đ) Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng;

e) Nhận xét về tình cảnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cảnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

g) Những nội dung của hồ sơ mời thầu chưa phù hợp với quy định dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý;

h) Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

<p>dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho Điều 13 của Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, (d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại cầu đề thực hiện gói thầu;</p> <p>liên quan đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu đề thực hiện gói thầu;</p> <p>nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc, quy định khác của pháp luật có tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm (c) HSM T không tuân thủ quy định Lựa chọn Nhà thầu cung ghi trong HSM T;</p> <p>sản phẩm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn danh giá đã b) Thay đổi về mức tiêu, phạm vi đầu tư trong kế hoạch mua a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSM T;</p> <p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p>	<p>32. Hủy thầu</p>
<p>để làm cơ sở xét duyệt thầu.</p> <p>gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp 31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL;</p> <p>Mục 3 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>điều kiện sau đây:</p> <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các</p>	<p>kiến xét duyệt trung thầu</p> <p>31. Điều</p>
<p>30.7. Trường hợp nhà thầu có tham gia thầu thảo luận không tiến hành thầu theo đúng nguyên tắc và nội dung quy định hoặc đã tiến hành thầu nhưng không ký biên bản thầu thảo luận để nhằm mục đích rút khỏi việc trúng thầu hoặc gây bất lợi cho đơn vị tổ chức mua sắm thì nhà thầu bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.</p> <p>30.8. Nhà thầu được quyền từ chối thầu thảo luận và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong trường hợp bên mời thầu, đơn vị tổ chức mua sắm không tiến hành thầu theo đúng nguyên tắc và nội dung quy định.</p> <p>30.9. Trường hợp thầu thảo luận thành công, mời nhà thầu xếp hàng tiếp theo vào thầu thảo luận;</p>	

<p>hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc;</p> <p>đ) Tô chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu từng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 13 của Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>32.2. Tô chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đầu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc đơn vị mua sắm, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, từ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 CDNT.</p>	<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p> <p>33.1. Đơn vị mua sắm đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc kèm theo báo cáo đánh giá HSDT và trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Đơn vị mua sắm ; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giám giá (nếu có);
---	---

<p>Sau khi Đơn vị mua sắm đang tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng cho nhà thầu được lựa chọn, bao gồm cả yêu cầu về biên pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Phần 4 cho nhà thầu trung thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trung thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp</p>	<p>35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</p>
<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Đơn vị mua sắm có quyền mua bộ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và đáp ứng quy định tại Điều 27 của Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc;</p> <p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Đơn vị mua sắm có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSM. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p>	<p>34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</p>
<p>(d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>- Đơn giá trung thầu. - Xuất xứ; - Tình năng, thông số kỹ thuật; ky, mã hiệu, nhãn mác; - Công suất; - Tên hàng hóa; - Đơn vị mua sắm phải đăng tải các thông tin sau: c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Đơn vị mua sắm phải thực hiện gói thầu. - Giá danh giá (nếu có); - Giá trung thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu.</p>	

<p>thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>	
<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSM T. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSM T thì đơn vị mua sắm sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Đơn vị mua sắm sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hàng tiếp theo vào đối chiếu tại liệ u.</p> <p>36.3. Đơn vị mua sắm phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>	<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>
<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng VI. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được đơn vị mua sắm chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>	<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>
<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, đơn vị mua sắm xem xét lại các văn đề trong qua trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên đơn vị mua sắm, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị bằng văn bản lên Người có thẩm quyền theo địa chỉ quy định tại BDL.</p>	<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đầu thầu</p>
<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp Quy định lựa</p>	<p>39. Giám sát qua trình</p>

Lựa chọn nhà thầu	<p>chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường của Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc hoặc của pháp luật, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.</p>
--------------------------	--

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	<p>Tên Đơn vị mua sắm: Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc</p> <p>- Địa chỉ: khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha, Quảng Ninh.</p> <p>- SĐT: 0203.2211455.</p> <p>- Fax: 02033.865.732.</p>
CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Mua đường, sửa các loại phục vụ bởi đường nâng nhóc, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024.</p> <p>Tên dự toán mua sắm: Mua đường, sửa các loại phục vụ bởi đường nâng nhóc, độc hại bằng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024.</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục CDNT 18.2 Chương này.</p>
CDNT 3	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty</p>
CDNT 5	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc (Địa chỉ: khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha, Quảng Ninh), trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước do.</p> <p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu tên).¹</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Đơn vị mua sắm, bên môi thầu, từ</p>

¹ Chi danh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn (nếu có): Sau 5 ngày, kể từ ngày kết
CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 12.600.000 VNĐ.</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 60 ngày</p>
CDNT 17.1	<p>Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
CDNT 16.2	<p>Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Không yêu cầu Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.</p>
CDNT 15.8	<p>Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): Không.</p>
CDNT 13.5	<p>Chào giá: Theo Mẫu số 12.1B Chương IV.</p>
CDNT 12.1	<p>Nhà thầu: Không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.</p>
CDNT 10.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu.</p>
CDNT 8	<p>Chi phí nộp HSDT: Miễn phí.</p>
CDNT 7.5	<p>Hội nghị tiền thầu: Không.</p>
	<p>Trong đó:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n \text{Xi} \times \text{Yi}$ <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>định theo công thức sau:</p> <p>hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở Trung hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp trường hợp nhà thầu là đơn vị sử dụng công lập thuộc cơ quan</p>

	qua lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 20.1.1	Số lượng HSDT phải nộp: 01 bản gốc và 01 bản chụp.
CDNT 27.2	Giá trị tối đa danh cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.
CDNT 28.3	Cách tính ưu đãi: Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giám giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giám giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.
CDNT 28.6	Ưu đãi: Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành danh giá và xác định giá trị ưu đãi.
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thầu nhất.
CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giám giá (nếu có) thấp nhất.
CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%.
CDNT 34.2	Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.
CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt.
CDNT 38.2	- Người có thẩm quyền: Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc. + Địa chỉ: khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha, Quảng Ninh.
CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không có.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Đánh giá tình hình hợp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Kiểm tra tình hình hợp lệ của hồ sơ dự thầu, bao gồm:

a) Kiểm tra sự thông nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp.
b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm:

- Đơn dự thầu;
- Thỏa thuận liên danh (nếu có);
- Giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có);
- Bảo đảm dự thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;

2. Đánh giá tình hình hợp lệ của hồ sơ dự thầu:

a) Có bản gốc hồ sơ dự thầu;
b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian ký đơn dự thầu phải phù hợp với thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu; không để xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho đơn vị tổ chức mua sắm, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu;

d) Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thi công đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thu bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo lãnh thì thu bảo lãnh, giấy chứng nhận bảo lãnh không vì phạm một trong các trường hợp sau: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không đúng tên đơn vị thi công, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho đơn vị mua sắm và/hoặc bên mời thầu. Thu bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo lãnh phải đại diện hợp pháp được đại diện hợp pháp của tổ chức tin dùng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài lập theo pháp luật Việt Nam, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được lập theo pháp luật Việt Nam (nếu có).

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt. Đối với các tiêu chí danh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt đối với các tiêu chí chi tiết không tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt qua 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được danh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được danh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được danh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Mức 3. Tiêu chuẩn danh giá về kỹ thuật

Nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu.

Mức 2. Tiêu chuẩn danh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, danh giá trong bước tiếp theo.

- thầu đó trung thầu;
- h) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (kỹ kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu;
- g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của Quy định xuất các hàng mức này;
- chia các công việc không thuộc các hàng mức này hoặc không thuộc quá trình sản xuất qua trình sản xuất hàng mức trong bang giá dự thầu, không được phân trong liên danh phải căn cứ các hàng mức trong bang giá dự thầu hoặc các công việc từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc tuân liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị từng phần hợp pháp của từng thành viên liên danh kỹ tên, đồng dấu (nếu có); Thỏa (e) Có thỏa thuận liên danh hợp lệ (trong trường hợp liên danh) được đại (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- (d) Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá			Nhận xét	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	3	4	5	6	7
2	Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa					
3	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì					
4	Tiến độ cung cấp hàng hóa					
5	Các cam kết của nhà thầu					
KẾT LUẬN						

Mục 4. Tiêu chuẩn danh gia về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giám giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giám giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT: Không.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu	
		Đơn vị mua	Nhà thầu
		Trách nhiệm thực hiện	
1	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)		X
6	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp		X
7	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu		X
8	Mẫu số 11.2. Bảng tổng hợp giá dự thầu		X
9	Mẫu số 12.1B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa		X
10	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi		X
11	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoài)		X
12	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)		X

Mẫu số 01B**PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA**

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất hóa (nếu có) ⁽²⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽³⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất
							[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]

1	Sữa tươi tiệt trùng có đường 180ml	Hộp	57.000	Nguyên liệu chính sữa tươi trên 90%, thành phần bổ sung, đường, đạt yêu cầu để dùng làm thực phẩm phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 7405:2004.	Công ty Cổ phần VT&CN than Đông Bắc	2	15
2	Sữa chua nha đam 90g	Hộp	10.000	Thành phần sữa lên men nha đam 10% thành phần phụ theo tiêu chuẩn được dùng trong thực phẩm	Công ty Cổ phần VT&CN than Đông Bắc	2	15
3	Sữa đặc có đường (380g)	Hộp	2.000	Sản phẩm sữa cô đặc được chế biến từ sữa tươi và đường kính hoặc từ sữa bột, chất béo sữa (kể cả dầu thực vật).	Công ty Cổ phần VT&CN than Đông Bắc	2	15
4	Sữa cao lúa mạch 180ml	Hộp	72.000	Thành phần chính sữa bột, ca cao, thành phần phụ theo tiêu chuẩn được dùng trong thực phẩm.	Công ty Cổ phần VT&CN than Đông Bắc	2	15
5	Đường trắng đóng gói loại 1kg/gói	Hộp	2.500	Thành phần 100% mía đường tự nhiên	Công ty Cổ phần VT&CN than Đông Bắc	2	15

Ghi chú:

(1) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(2) Áp dụng trong các trường hợp sau:

- Đơn vị mua sắm yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại;

- Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(3) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô)- Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

ĐƠN DƯ THẦU⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Kính gửi: _____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____, Mã số thuế: _____ cam kết thực hiện gói thầu _____ theo TBM ngày được đăng tải: _____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ cùng với các bang tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giám giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giám giá là _____ [Ghi tỷ lệ giám giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giám giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: _____

Bao đảm dự thầu: _____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bao đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bao đảm dự thầu⁽¹⁾: _____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Tuân thủ hoàn toàn Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc và các văn bản hướng dẫn hiện hành đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vân tai và Chế biến than Đông Bắc khi tham dự gói thầu này;

2. Không đăng trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đăng trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

4. Đa thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đầu thầu;

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp Quy định mua sắm thường xuyên khi tham dự thầu này.

8. Nhưng thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT.

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.⁽²⁾

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi theo mục 18.2 BDL

(2) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày _____ tháng _____ năm _____, tại _____, tôi _____

Tôi là _____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _____ [ghi tên nhà thầu]

có địa chỉ tại _____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của người được ủy quyền] thực hiện _____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện

các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gọi thầu _____ [ghi tên gọi thầu] thuộc dự án _____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Kỵ đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính;

- Kỵ thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Kỵ các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, hồ sơ đề xuất về tài chính;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Kỵ đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Kỵ kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] (2)

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của _____ [ghi tên nhà thầu]. _____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do _____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày _____ đến ngày _____ (3). Giấy ủy quyền này được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ _____ bản, người được ủy quyền giữ _____ bản, Bên mời thầu giữ _____ bản.

Người được ủy quyền _____

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] _____

Người ủy quyền _____

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] _____

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cả nhân liên quan

được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____

Gửi đầu: _____

Thuộc kế hoạch/dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽²⁾ _____

Căn cứ⁽²⁾ _____

Căn cứ HSMT Gửi đầu: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thông nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	-	-

công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện

việc khác (nếu có)].

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công
- Ký đơn kiến nghị trong vòng hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

nghe rút HSDT;

trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản để

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu

- Thay mặt liên danh nộp HSDT cho cả liên danh.

cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

thuộc kế hoạch _____ đối với từng thành viên như sau:

Các thành viên thông nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____

Điều 2. Phân công trách nhiệm

- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

- Bồi thường thiệt hại cho Đơn vị mua sắm theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

nhìem riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trung thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách

đền gói thầu này là: _____.

2. Các thành viên thông nhất tên gọi của liên danh cho mời giao dịch liên quan

thuộc kế hoạch/dự toán mua sắm _____

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____

Điều 1. Nguyên tắc chung

(3) Việc phân công tách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã quy định hiện hành.

(2) Nhà thầu cấp nhật văn bản cấp nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo danh đối với phần tham dự thầu.

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và tách nhiệm riêng của từng thành viên liên

Ghi chú:

[kỳ tên, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[kỳ tên, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐƯƠNG ĐẦU LIÊN DANH

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

- Huy thầu gói thầu _____ thuộc kế hoạch/dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu.

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

hợp đồng;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%
....
2	Tên thành viên thứ 2	- - -	- - -% -%
	(Hệ thống tự động trích xuất)	- -	- -%

neu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, tách nhiệm chung, tách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hàng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hàng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hàng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: _____ [ghi tên và địa chỉ của Đơn vị mua sắm hoặc tên Bên mời thầu theo HSMT]

Ngày phát hành bảo lãnh: _____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: _____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: _____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch/dự toán mua sắm _____ [ghi tên kế hoạch/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/TBMT số _____, ngày _____ tháng, năm ……

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____ (2) ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ (3).

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSĐT, nhà thầu có văn bản rút HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSĐT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu quy định tại Điều 13 hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 14 của Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 75 Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai;

không hủy ngang.

Cấp các tài liệu để chúng mình bao lãnh dự thầu đã nộp trong HSĐT là bao lãnh dự thầu nêu tại bao lãnh dự thầu, Đơn vị mua sắm, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung Bên mời thầu trong việc tích thu giá trị bao đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bao đảm quyền lợi của Đơn vị mua sắm, không hợp lệ. Bao lãnh dự thầu này là bao lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp kiện gây bất lợi cho Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu thì bao lãnh dự thầu được coi là ký trước khi Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, (1) Trường hợp bao lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá

Ghi chú:

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Bất cứ yêu cầu bởi thương nào theo bao lãnh này đều phải được gửi đến Văn

nao đến trước.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSĐT, tùy theo thời điểm khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bao lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau

theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bao lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bao lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi

ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10

trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;^(c)

hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu 6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung

hợp bất khả kháng;

10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp 5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn

thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thông 4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thông thảo hợp đồng

- (2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **BDL**.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **BDL**.
- (4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.
- (5) Chi áp dụng đối với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: _____ [ghi tên và địa chỉ của Đơn vị mua sắm hoặc tên Bên mời thầu theo HSMТ]

Ngày phát hành bảo lãnh: _____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: _____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: _____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch/dự toán mua sắm _____ [ghi tên kế hoạch/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/TBMT số _____, ngày _____ tháng, năm _____.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____ (3) ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ (4).

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhân được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMТ;

2. Nhà thầu có hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu quy định tại Điều 13 hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 14 của Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 75 Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vân tai;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng

(1) Trường hợp bao lãnh dự thầu vì phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không dùng tên đơn vị thầu/hưng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu thì bao lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bao lãnh dự thầu này là bao lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bao đảm quyền lợi của Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu trong việc tích thu giá trị bao đảm dự thầu khi nhà thầu quy định nêu tại bao lãnh dự thầu, Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bao lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bao lãnh dự thầu

Ghi chú:

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG

Bất cứ yêu cầu bởi thường nào theo bao lãnh này đều phải được gửi đến Văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Nào đến trước.

Trường hợp Nhà thầu không trung thầu, bao lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm

theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bao lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bao lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bao lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bao lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng viên trong liên danh

8. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bao đảm dự

thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT của HSMT thì bao đảm dự thầu của tất cả thành

viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, từ trường hợp bất khả kháng, hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, từ trường

hợp bất khả kháng; trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thầu hợp đồng của Bên mời thầu, từ trường hợp bất khả kháng;

không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp thỏa thuận liên danh công cho nhà thầu A thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp thỏa thuận liên danh công nhà thầu B thực hiện bảo lãnh dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 BDL.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

(6) Chỉ áp dụng đối với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP^(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Đơn vị mua sắm

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		
					Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
4							
5							

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Nhà thầu cập nhật theo yêu cầu của đơn vị mua sắm;

Cột (8): Nhà thầu đề xuất

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thô sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
4										
5										

Ghi chú:

- Cột (2), (9), (10): Nhà thầu tự điền phù hợp với HSMT;
- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền;
- Cột (11): Nhà thầu tự điền (nếu có). Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;
- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được kết chuyển sang Mẫu 12.1 (12.1B) hoặc 12.2 (12.2B).

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M) [Nhà thầu cấp nhật từ Mẫu 12.1B]
2	Dịch vụ liên quan	(I) [Nhà thầu cấp nhật từ Mẫu 13A]
	Tổng công giá dự thầu (Kể chuyên sang đơn dự thầu)	(M) + (I) [Hệ thống tự tính]

Mẫu số 12.1B

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
	Hàng hoá thứ 1											M1
											
	Hàng hoá thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11): Nhà thầu cập nhật phù hợp với yêu cầu của HSMT;

(12): Nhà thầu điền;

(13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]</i>	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên		Kê khai chi phí trong nước		
			Có (3)	Không (4)	Theo Mẫu 15B (5)	Theo Mẫu 15C (6)	
1	Hàng hoá thứ 1	(1)	(2)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hoá thứ 2			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...						
n	Hàng hoá thứ n			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

- (1), (2): Nhà thầu cập nhật từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.
- (3), (4): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa.
- (5), (6): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

Mẫu số 15B

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng	Giá trị thuế các	Kê khai các chi phí	Chi phí sản xuất	Tỷ lệ % chi phí
		hóa trong HSDT	loại		nhập ngoại	
	(1)	(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
...	...					
n	Hàng hoá thứ n					

Ghi chú:

- (1): Nhà thầu cập nhật các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (5) của Mẫu số 15A.
 (2): Nhà thầu cập nhật đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.
 (5), (6): Nhà thầu tự tính.

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾
(*trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam*)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong HSDT	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	G*	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hàng hoá thứ 1				
2	Hàng hoá thứ 2				
...	...				
n	Hàng hoá thứ n				

Ghi chú:

- (1): Nhà thầu cập nhật các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (6) của Mẫu số 15A.
 (2): Nhà thầu cập nhật đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.
 (5): Nhà thầu tự tính

Hàng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Sữa tươi tiệt trùng có đường	Hộp giấy 180ml thành phần chủ yếu sữa tươi tiệt trùng
2	Sữa chua nha đam	Sữa lên men hộp 90g
3	Sữa đặc có đường	Hộp (380g)
4	Sữa cao lúa mạch	Hộp giấy 180ml

- Tiên độ giao hàng theo yêu cầu tại Mẫu số 01B Chương IV.

vỏ, phồng...

- Hàng hóa bảo hành đời tra với những lỗi của nhà sản xuất như: Bao bì bị rách,

xuống và cả giấy tờ khác có liên quan.

Khi giao hàng kèm hồ sơ, giấy tờ về nguồn gốc xuất xứ, kiểm tra chất lượng khi xuất hợp pháp, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và các yêu cầu khác theo đơn hàng.

- Hàng hóa được sản xuất năm 2024. Mới 100%, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng,

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

tháng 12 năm 2024.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực đến hết 31

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian bắt đầu to chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 7/2024.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

biên than Đông Bắc.

Bên mời thầu: Phòng Tổ chức lao động - Công ty Cổ phần Vận tải và Chế

- Địa điểm, quy mô: Công ty Cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc

hải bảng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024

- Tên gói thầu: Mua đường, sữa các loại phục vụ bồi dưỡng năng nhọc, độc

bảng hiện vật 6 tháng cuối năm 2024.

- Tên dự toán: Mua đường, sữa các loại phục vụ bồi dưỡng năng nhọc, độc hải

1.1. Giới thiệu chung về kế hoạch/dự toán mua sắm, gói thầu

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

5	Đường trắng	Tính thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô không vón cục đồng gói loại I kg/ gói
---	-------------	--

1.3. Các yêu cầu khác

- Thời gian thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn GTGT hợp lệ.

Mục 2. Bàn về

Không có bàn về.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Trong quá trình cung cấp hàng hóa, bên mua sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa đạt yêu cầu mới tiến hành nhập hàng hóa.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
 Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Đơn vị mua sắm” là tổ chức được quy định tại BKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Đơn vị mua sắm và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại BKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong HSDT và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện dịch vụ liên quan; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Hàng hóa” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế; 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...; 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại BKCT.</p>	<p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>
--	--

2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 BKCT (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho

<p>nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>c) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) BKCT;</p> <p>e) BKC;</p> <p>g) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu;</p> <p>h) HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại BKCT.</p>	<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>
<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại BKCT. Thuật ngữ “bảng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>	<p>4. Thông báo</p>
<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Đơn vị mua sắm không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thu bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chỉ nhân ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chỉ nhân doanh</p>	<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>

<p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có</p> <p>7.1. Đơn vị mua sắm và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p>	<p>7. Giải quyết tranh chấp</p>
<p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p> <p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Đơn vị mua sắm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi được Đơn vị mua sắm chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.</p>	<p>6. Ký hợp đồng thầu phụ</p>
<p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Đơn vị mua sắm để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Đơn vị mua sắm chấp thuận.</p> <p>theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập</p>	

<p>thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>	
<p>Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.</p>	<p>8. Phạm vi cung cấp</p>
<p>Tiền độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng tròn gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.</p>	<p>9. Tiền độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chung từ</p>
<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 ĐKC và theo tiền độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 ĐKC.</p>	<p>10. Trách nhiệm của Nhà thầu</p>
<p>11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại ĐKCT</p> <p>11.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở báo đảm tiền độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.</p>	<p>11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng</p>
<p>12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Đơn vị mua sắm.</p> <p>12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Đơn vị mua sắm tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.</p> <p>12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>	<p>12. Thuế, phí, lệ phí</p>
<p>13.1. Đơn vị mua sắm phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p>	<p>13. Tạm ứng</p>

<p>13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, dùng đối tượng bằng cách nộp bản sao các đơn chùng từ hoặc tài liệu liên quan cho Đơn vị mua sắm.</p>	
<p>14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Đơn vị mua sắm bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bán giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 9 DKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.</p> <p>14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại DKCT.</p> <p>14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.</p>	<p>14. Thanh toán</p>
<p>Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chưa dùng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Đơn vị mua sắm vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Đơn vị mua sắm cách tiếp xúc qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p>	<p>15. Quyền tác giả</p>
<p>16.1. Đơn vị mua sắm và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phụ hợp do Đơn vị mua sắm cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>16.2. Đơn vị mua sắm không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác</p>	<p>16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>

<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều</p>	<p>18. Đóng gói hàng hoá</p>
<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn trong dự án hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>	<p>17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</p>
<p>nhân được từ Đơn vị mua sắm cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>16.3. Nghĩa vụ của Đơn vị mua sắm và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 DKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Đơn vị mua sắm hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Đơn vị mua sắm hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>16.4. Các quy định tại Mục 16 DKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 DKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>	

<p>kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại ĐKCT.</p>	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>20.2. Đơn vị mua sắm có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại ĐKCT:</p> <p>a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa;</p> <p>b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa;</p> <p>c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa;</p> <p>d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;</p> <p>(đ) Hướng dẫn nhân sự của Đơn vị mua sắm về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa.</p> <p>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Đơn vị mua sắm và Nhà thầu thông thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.</p>	<p>20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</p>
<p>21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.</p>	<p>21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.</p>	<p>21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</p>	

cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại **ĐKCT**. Theo quy định tại Mục 21.3 ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cần bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hồ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Đơn vị mua sắm không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hồ trợ này.

21.3. Đơn vị mua sắm hoặc đại diện của Đơn vị mua sắm có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 ĐKC, với điều kiện là Đơn vị mua sắm chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.

21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Đơn vị mua sắm về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà xuất để Đơn vị mua sắm tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.

21.5. Đơn vị mua sắm có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Đơn vị mua sắm xem xét điều chỉnh ngay giao hàng, ngay hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

21.6. Nhà thầu phải gửi cho Đơn vị mua sắm báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

21.7. Đơn vị mua sắm có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành

<p>kiểm tra, thử nghiệm lái và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Đơn vị mua sắm theo quy định tại Mục 21.4 DKC.</p> <p>21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Đơn vị mua sắm hay đại diện của Đơn vị mua sắm tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 DKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>	
<p>Phát vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại DKCT.</p>	<p>22. Phát và bồi thường thiệt hại</p>
<p>23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>23.3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định tại DKCT.</p> <p>23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Đơn vị mua sắm kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>23.5. Sau khi nhận được thông báo của Đơn vị mua sắm về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại DKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại DKCT, Đơn vị mua sắm có thể từ sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Đơn vị mua sắm từ sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Đơn vị mua sắm đối với Nhà thầu theo hợp đồng.</p>	<p>23. Bảo hành</p>
<p>24.1. Với điều kiện là Đơn vị mua sắm tuân thủ Mục 24.2 DKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Đơn vị mua sắm và nhân sự của Đơn vị mua sắm không bị tổn hại</p>	<p>24. Bồi thường vi phạm sáng chế</p>

bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tồn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm săng chê, mẫu huu ích, khiếu dang công nghiệp, nhan hiêu, quyên tác gia hoặc các quyên sở huu trí tuệ khác đã dang ky hoặc tồn tại vào ngày ky hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:

a) Việc lập đất hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;

b) Việc bán sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.

Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.

24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Đơn vị mua sắm liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 DKC, Đơn vị mua sắm có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhan danh Đơn vị mua sắm giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thông thạo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.

24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Đơn vị mua sắm, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Đơn vị mua sắm về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Đơn vị mua sắm sẽ tự giải quyết.

24.4. Trường hợp được yêu cầu, Đơn vị mua sắm hồ tở Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.

24.5. Đơn vị mua sắm có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tồn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm săng chê, mẫu huu ích, khiếu dang công nghiệp, nhan hiêu, quyên tác gia hoặc các quyên sở huu trí tuệ khác đã dang ky hoặc tồn tại vào ngày ky hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi

<p>phạm đó phát sinh từ hoặc Liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Đơn vị mua sắm hoặc thay mặt Đơn vị mua sắm.</p>		
<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chỉnh sửa nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc gia hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc gia hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm gia hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm gia hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 DKC.</p>		<p>25. Thay đổi liên quan đến pháp lý</p>
<p>26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bao lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm những không giới hạn bởi chiền tranh, bão lũ, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự</p>	<p>26. Bất khả kháng</p>	

<p>kiến trong vòng 14 ngày kể từ ngày xây ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng do được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>27.1. Đơn vị mua sắm có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <p>a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Đơn vị mua sắm;</p> <p>b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;</p> <p>c) Thay đổi địa điểm giao hàng;</p> <p>d) Thay đổi dịch vụ liên quan.</p> <p>đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 DKC.</p> <p>27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 DKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá trị hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá trị hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Đơn vị mua sắm về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong HSDT và đáp ứng yêu cầu Nhà thầu HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Đơn vị mua sắm để Đơn vị mua sắm xem</p>	<p>27. Sửa đổi hợp đồng</p>
---	------------------------------------

xét. Trong trường hợp này, căn cứ như câu sử dụng, Đơn vị mua sắm có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Đơn vị mua sắm và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.

27.5. Đơn vị mua sắm và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.

27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;

b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Đơn vị mua sắm trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;

c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.

27.7. Đơn vị mua sắm có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:

a) Rút ngắn thời gian giao hàng;

b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Đơn vị mua sắm;

c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;

d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Đơn vị mua sắm.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Đơn vị mua sắm chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **ĐKCT** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Đơn vị mua sắm chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yêu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Đơn vị mua sắm thanh toán cho Nhà

<p>thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>	
<p>28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cần trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 DKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Đơn vị mua sắm về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Đơn vị mua sắm phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Đơn vị mua sắm đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thông thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.</p> <p>28.2. Trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 DKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Đơn vị mua sắm theo quy định tại Mục 22 DKC.</p>	<p>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>
<p>29.1. Chậm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Đơn vị mua sắm có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khác phục vụ phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 DKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Đơn vị mua sắm xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 13 Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường của Công ty Cổ phần Văn tại trong quá trình đầu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp Đơn vị mua sắm chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Đơn vị mua sắm có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan thông từ như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Đơn vị mua sắm các chi phí phù hợp phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy</p>	<p>29. Chậm dứt hợp đồng</p>

<p>thầu.</p> <p>này, Đơn vị mua sắm có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.</p>	<p>30. Hạn chế xuất khẩu</p>
<p>29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>không bị chấm dứt.</p> <p>nhien, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng</p> <p>Truong hop Nhà thầu sản hoặc mất khả năng thanh toán, Đơn vị mua sắm có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi nào của Nhà thầu.</p> <p>Trước đó hoặc sau đó.</p>	

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỬ THEE CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ BKCT phải được Đơn vị mua sắm ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

<p>BKC 1.1</p> <p>Đơn vị mua sắm: Công ty Cổ phần Vân tài và chế biến than Đông Bắc</p> <p>Địa chỉ: Khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha, tỉnh Quảng Ninh.</p> <p>Điện thoại: 0203.2211455.</p> <p>Fax: 02033.865732.</p> <p>Tài khoản: 117000010663 tại ngân hàng Công thương – CN Cẩm Pha.</p> <p>Mã số thuế: 5701650781.</p>	<p>BKC 1.3</p> <p>Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>	<p>BKC 1.11</p> <p>Địa điểm thực hiện kế hoạch: Tại kho Công ty Cổ phần Vân tài và chế biến than Đông Bắc (Càng Km6, Phường Quang Hanh, Thành phố Cẩm Pha, tỉnh Quảng Ninh)</p>	<p>BKC 2.2 (i)</p> <p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu - Quyết định phê duyệt kết quả LCNT - Phụ lục hợp đồng 	<p>BKC 4.1</p> <p>Các thông báo cần gửi về Đơn vị mua sắm theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhân: Phòng Tổ chức lao động – Công ty Cổ phần Vân tài và Chế biến than Đông Bắc. - Địa chỉ: Khu 6B, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Pha, tỉnh Quảng Ninh. - Điện thoại: 0203.2211455. - Fax: 02033.865732. 	<p>BKC 5.1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2 % giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bao đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển
---	---	---	---	--	--

		sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định của hợp đồng.
ĐKC 5.3	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.	
ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không có.	
ĐKC 7.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 10 ngày. Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp đại diện của cả hai bên không thỏa thuận được (một trong hai bên không đồng ý với cách giải quyết của bên kia đưa ra) thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng "trọng tài", theo quy định của Pháp luật Việt Nam về tố tụng tại Tòa án tỉnh Quảng Ninh. Phi trọng tài do bên thua kiện phải chịu theo quy định.	
ĐKC 9	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: - Hòa đơn GTGT hợp lệ. - Giấy chứng nhận xuất xứ, Giấy chứng nhận chất lượng hoặc Bản cam kết nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. Đơn vị mua sắm phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.	
ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.	
EBKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.	
ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.	
ĐKC 13.1	Tâm ứng: Không.	
ĐKC 14.2	Phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên nghiệm thu quyết toán hàng hóa (vào ngày cuối cùng của tháng) và Bên mua nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ.	

<p>ĐKC 18.2 Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Ghi rõ tên, chủng loại hàng hóa.</p>	<p>ĐKC 19</p> <p>Nội dung bảo hiểm: Không.</p>
<p>ĐKC 20.1 Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm bên mua. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của bên mua, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.</p>	<p>ĐKC 20.2</p> <p>Các dịch vụ bao gồm: Không.</p>
<p>ĐKC 21.1 Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>1. Các kiểm tra cần tiến hành gồm có: Trong quá trình cung cấp hàng hóa, bên mua sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa đạt yêu cầu mới tiến hành kiểm nghiệm nhập hàng hóa của bên mua.</p> <p>2. Trong thời gian bao hành, nếu phát hiện hàng hóa đang sử dụng có dấu hiệu hư hỏng hoặc kém chất lượng, Bên Mua có quyền kiểm tra hoặc thử nghiệm lại tại một đơn vị thử nghiệm độc lập. Trong trường hợp đơn vị thử nghiệm độc lập do Bên Mua chọn xác định hàng hóa không đủ chất lượng theo điều kiện của hợp đồng đã ký hoặc do lỗi của Bên bán, tùy theo yêu cầu của Bên Mua, Bên bán phải bồi thường phần giá trị hàng hóa không đủ chất lượng trên hoặc đổi lại toàn bộ hàng hóa đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng và bồi hoàn cho Bên mua mọi chi phí liên quan.</p>	<p>ĐKC 21.2</p> <p>Việc kiểm tra hàng hóa được thực hiện tại: Công ty Cổ phần Vân tại và Chế biến than Đông Bắc – Kho cảng Km6, Phường Quang Hanh, TP. Cẩm Pha, tỉnh Quảng Ninh.</p>
<p>ĐKC 22</p> <p>1. Phát vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Đơn vị mua sẽ quản theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 0,1%/ ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Đơn vị mua sẽ khấu trừ từ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa,</p>	

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiên tằm ứng cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

<p>Đơn vị mua sắm có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 DKC. 2. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.</p>	<p>ĐKC 23.3 Thay thế đời tra hàng hóa ngay sau khi phát hiện ra lỗi của nhà cung cấp.</p>	<p>ĐKC 27.5 Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Đơn vị mua sắm chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Đơn vị mua sắm thanh toán cho Nhà thầu 20% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
--	---	--

THƯ CHẤP THUẬN HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

Mẫu số 16

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là "Đơn vị mua sắm") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gọi thầu _____ [ghi tên, số hiệu gọi thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên đã chấp thuận HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gọi thầu _____ [ghi tên, số hiệu gọi thầu. Trường hợp gọi thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gọi thầu là _____ [ghi thời gian thực hiện gọi thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Đơn vị mua sắm, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm _____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

- Thời gian ký kết hợp đồng: _____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm _____ [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biên pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của HSDT với số tiền _____ và thời gian hiệu lực _____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.1 DKCT của HSDT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được Văn bản này, Nhà thầu phải có Văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biên pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu đáp ứng yêu cầu của HSDT. Đơn vị mua sắm sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gọi thầu.

Nếu đến ngày _____ tháng _____ năm _____ (1) mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biên

pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG⁽²⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Hợp đồng số: _____

Gửi thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);

- Căn cứ⁽²⁾ Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ
nhằm duy trì hoạt động thường của Công ty Cổ phần Vận tải;

- Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ về việc
phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp
thuận HSDT và trao hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của Bên mời
thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu tư vấn
thầu ký ngày _____ tháng _____ năm _____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị mua sắm: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Ngày ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trong hợp được
ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

⁽²⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc
biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với DKCT.
⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo pháp luật theo quy định hiện hành.

Điện thoại: _____
 Fax: _____
 E-mail: _____
 Tài khoản: _____
 Mã số thuế: _____
 Đại diện là ông/bà: _____
 Chức vụ: _____
 Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. BKCT của hợp đồng;

5. BKC của hợp đồng;

6. HSDT và các văn bản làm HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);

8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

ĐKCT.

1. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 14.2

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: theo điều kiện tại ĐKCT.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 ĐKC, HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Đơn vị mua sắm giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ

THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đồng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ

ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đồng
dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu trong ứng nêu tại HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____ [ghi tên Đơn vị mua sắm]

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gọi thầu _____ [ghi tên gọi thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gọi thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); (1)

Theo quy định trong HSM T (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho _____ [ghi tên Đơn vị mua sắm] bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và tách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.1 DKCT của HSM T]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho _____ [ghi tên Đơn vị mua sắm] bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của _____ [ghi tên Đơn vị mua sắm] thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____ (3).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG

_____ [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Đơn vị mua sắm xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoàn tên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trung thầu gọi thầu _____ [ghi tên gọi thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.1 DKCT.